

Số: 03/BB-TTPVHCC

BIÊN BẢN
Về việc công khai dự toán năm 2026

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 2835/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Yên Đồng về việc giao dự toán Ngân sách nhà nước năm 2026.

Hôm nay, hồi 8 giờ ngày 12 tháng 01 năm 2026

Tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Yên Đồng

Đã tiến hành lập biên bản công khai tình hình thực hiện dự toán năm 2025.

Thành phần lập biên bản:

- 1- Bà Ngô Thị Thoa – Giám đốc
- 2- Bà: Đào Thị Huệ - Kế toán
- 3- Bà: Dương Thị Thuỳ Linh – Đại diện Công chức TTPVHCC

Nội dung:

Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Yên Đồng đã tiến hành niêm yết công khai tình hình thực hiện dự toán năm 2026.

(Có biểu mẫu số 02 theo Thông tư 90/2018/TT-BTC kèm theo)

Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Yên Đồng.

Thời gian công khai: 30 ngày kể từ ngày 12/01/2026 đến ngày 12/02/2026

Đại diện
Công chức TTPVHCC



Dương Thị Thuỳ Linh

Kế toán đơn vị



Đào Thị Huệ



Ngô Thị Thoa

Số: 02A/QĐ-TTPVHCC

Yên Đồng, ngày 12 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026 của đơn vị Trung tâm PV HCC xã Yên Đồng

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Thông tư 88/2024/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2024 quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 2835/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Yên Đồng về việc giao dự toán Ngân sách nhà nước năm 2026.

Theo đề nghị của Kế toán Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Yên Đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của đơn vị Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Yên Đồng (Có biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) cán bộ, công chức trong cơ quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

Giám Đốc



Ngô Thị Thoa

Đơn vị: Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Yên Đồng

Chương: 833

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 01/QĐ-TTPVHCC ngày 12/01/2026 của Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Yên Đồng)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị tính : Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	771.759.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	771.759.000
1	Chi quản lý hành chính	771.759.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	771.759.000
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	



Số TT	Nội dung	Dự toán năm
1	2	3
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	

